

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐẶC ĐIỂM CỦA HÀNH ĐỘNG NGÔN NGỮ CHÊ TRONG *CHUYỆN XỨ LANGBIANG* NGUYỄN ĐÌNH HÙNG*

TÓM TẮT: Hành động ngôn ngữ chê cũng giống như hành động ngôn ngữ khen tồn tại trong văn hóa, ngôn ngữ các dân tộc và có thể nhận diện chúng trong ngôn ngữ của các tác phẩm văn chương.

Bài viết này, trên cơ sở lí thuyết hành động ngôn ngữ, tư liệu trong hai tập đầu truyện *Chuyện xứ Langbiang*, khảo sát chỉ ra đặc điểm cấu trúc và đặc điểm dụng học của hành động ngôn ngữ chê.

TỪ KHÓA: *Chuyện xứ Langbiang*; hành động ngôn ngữ chê; cấu trúc; dụng học; thiếu nhi.

NHẬN BÀI: 23/03/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 16/09/2023

1. Mở đầu

Hành động ngôn ngữ (HDNN) chê, cũng giống như HDNN khen, là một trong những hoạt động ngôn từ gắn với những nét tinh thái và phép lịch sự trong giao tiếp, được phản ánh vào những trang văn học, trong đó có truyện dành cho thiếu nhi.

Chuyện xứ Langbiang của nhà văn viết cho thiếu nhi nổi tiếng Nguyễn Nhật Ánh là một bộ truyện dài gồm 4 phần (phát hành 28 tập) được xuất bản những tập đầu tiên vào năm 2004 và kết thúc vào tháng 8 năm 2006. Tác phẩm được giới phê bình văn học đánh giá rất cao và mang lại giá trị thương mại rất lớn.

Bài viết nay khảo sát đặc điểm cấu trúc và ngữ nghĩa của HDNN chê trong hai tập đầu truyện *Chuyện xứ Langbiang*.

Chuyện xứ Langbiang ngay khi ra đời đã nhận được sự đón nhận nồng nhiệt từ phía độc giả.

Hai tập đầu của truyện là câu chuyện kể về chuyến phiêu lưu kì thú của hai nhân vật chính Nguyên và Kăply - hai người bạn thân, mặc dù hay chê bai nhau nhưng lại rất yêu quý nhau, bị lạc vào xứ phù thủy Langbiang và tình cờ trở thành hai "chiến binh giữ đền" có nhiệm vụ tiêu diệt phe Hắc Ám. Tuy được đặt vào bối cảnh là thế giới phù thủy đầy huyền bí nhưng tên của các nhân vật, bối cảnh các sự kiện lại mang đậm màu sắc Tây Nguyên.

Trong không gian huyền bí này, giáo sư N'Trang Long, hiệu trưởng trường đào tạo tài năng Đămri, anh trai của trùm Bastu hiện ra như là một siêu phù thủy tài ba, thông minh, uyên bác và luôn nhìn xa trông rộng. Ông chính là người đã chọn Nguyên và Kăply làm chiến binh giữ đền đời thứ 3 và giúp đỡ họ hoàn thành sứ mạng này. Hiệu trưởng cùng với các giáo sư khác trong trường như giáo sư Akô Nô, Haifai... hay chê nhân vật chính để giúp các em nhận ra khuyết điểm và cố gắng vươn lên.

Trùm Bastu, nhân vật phản diện chính của truyện là một trùm Hắc Ám khét tiếng mang lại bao nỗi kinh hoàng và khiếp sợ đến cho người dân xứ Langbiang. Hắn chiêu nạp các sát thủ nổi tiếng nhất dưới trướng của mình và phong bọn chúng làm các sứ giả (Buriam, Buriăk, Basil, Badd, Baltalon) và 2 hộ pháp (Balibia, Balikem) nhằm thực hiện âm mưu đen tối là thống trị và thay đổi trật tự xứ Langbiang theo ý muốn của hắn. Bastu cũng rất hay chê những người khác nhằm chứng tỏ khả năng pháp thuật của hắn và làm cho mọi người khiếp sợ.

Người đọc còn có thể bắt gặp các nhân vật phụ khác trong truyện, chẳng hạn: Êmê-là bạn của K'Brăk và K'Brêt tại lâu đài K'Rahlan; K'Tub-con trai của pháp sư K'Tul, rất thương yêu hai anh K'Brăk và K'Brêt, tính tình dễ thương (nhưng lại rất hay gây sự với ba nó là ông K'Tul), có một người bạn thân là Suku; Suku-là cháu của Đại tiên ông Pi Năng Súp, bị ông nhốt vào thư viện không cho đi học, Suku đã nhồi hàng vạn cuốn sách vào đầu, là một người uyên bác; Păng Ting-bạn thân của Êmê,

* Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội; Email: hungk9a@gmail.com

cháu gái của Đại phu thủy Păng Sur, cô bé có mốt ăn mặc dị thường, không giống ai;... Tất cả các nhân vật này tuy sống trong một không gian huyền bí nhưng lại rất đời thân quen với bất kì ai khi đọc truyện này.

2. Một số vấn đề chung

2.1. Khái niệm “hành động ngôn ngữ chê”

Nhìn từ góc độ dụng học, “chê” là một hành động ngôn ngữ trung. Theo cách phân loại của Austin (1962), chê thuộc nhóm hành động *Ứng xử* (*Behabitives*). J. Searle (1969) xếp “chê” vào nhóm *Bộc lộ* (*Expressives*). A. Wierzbicka (1987) định nghĩa HĐNN chê là một hành động ngôn ngữ trung trong đó người nói nêu lên những nhận xét tiêu cực về những hành động, lựa chọn, từ ngữ, sản phẩm của người bị chê. HĐNN chê được thực hiện với mục đích giúp người nghe làm tốt hơn trong tương lai hoặc nêu lên sự không hài lòng, không thích những gì người nghe đã làm nhưng không có ngụ ý rằng những gì người nghe đã làm đem đến những hậu quả không mong muốn đối với người nói. A. Wierzbicka xếp “chê” vào nhóm *Phê phán* (*Blame*). Hai nhà nghiên cứu E. Olshtain và L. Weinbach (1993) lại xếp “chê” vào nhóm *Phàn nàn* (*Complaints*).

Liên quan đến chê còn có “trách” (*blames*) và “phàn nàn” (*complaints*): trách được thực hiện để nêu trách nhiệm đối với một tình huống không thích hợp mà tình huống này có thể dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực đối với cả người nói và người nghe; còn phàn nàn thì hành động không thích hợp của người nghe được cho là ảnh hưởng đến bản thân người nói.

HĐNN chê có mức độ đe dọa thể diện cao, vì thế, độ văn hóa, trong giao tiếp, để giảm mức độ đe dọa thể diện, người sử dụng HĐNN chê luôn tìm đến chiến lược lịch sự.

2.2. Động từ ngữ vi và phát ngôn ngữ vi

a) Động từ ngữ vi:

Các hành động tại lời, là những hành động được biểu thị bằng các động từ nói năng. Đỗ Hữu Châu (1993) cho rằng, HĐNN được biểu hiện qua các động từ nói năng. Động từ nói năng có số lượng rất lớn vì các hành động tại lời vô cùng phong phú. Một HĐNN có khi được biểu thị ở ngôn ngữ này bằng một động từ mà động từ này lại không có trong một ngôn ngữ khác. Trong một ngôn ngữ, có những HĐNN không có động từ để biểu thị mà phải dùng các cụm từ thay thế khi cần thiết. Theo học Austin (1962), có hai lớp động từ:

Động từ xác nhận (*Constative verbs*): là những động từ miêu tả một nội dung nào đó mà nội dung này có thể đúng hoặc sai (phù hợp hoặc không phù hợp) với thực tại. Ví dụ:

Thiệt ta chưa từng thấy ai ngu như trò!

Trong ví dụ trên nội dung được miêu tả qua động từ “thấy”.

Động từ ngữ vi (*Performative verbs*): là những động từ nói năng mà khi phát ngôn người nói thực hiện luôn cái hành động ở lời do chúng biểu thị như: *hỏi, xin, trả lời, khuyên, hứa, cảm ơn, thể, cảnh cáo*, v.v.

b) Phát ngôn ngữ vi (PNNV) và biểu thức ngữ vi (BTNV)

Theo Searle, tất cả các phát ngôn (do hành động tạo lời và hành động ở lời tạo ra) đều có hai thành phần ngữ nghĩa, kí hiệu là F(p): F là kí hiệu chỉ hiệu lực ở lời do hành động ở lời tạo ra phát ngôn đó mà có; (p) là nội dung thông tin thường được biểu diễn bằng một nội dung mệnh đề (là sự phản ánh một sự tình khách quan vào phát ngôn bằng cấu trúc vị từ-tham thể, cho nên (p) cũng tương đương với cấu trúc vị từ - tham thể).

Trong một phát ngôn, có những dấu hiệu cho biết phát ngôn đó do hành động ở lời nào tạo ra, tức có hiệu lực ở lời F. Ví dụ:

Tiếc là thuật Nhiếp hồn của bọn người chưa được cao minh lắm. (T.2, tr.264)

Đây là một phát ngôn đặc trưng cho hành động ở lời *chê* vì nó có những dấu hiệu đặc trưng như kiểu kết cấu “*Tiếc là... chưa... lắm*” và ngữ điệu dè bieu. Những dấu hiệu này được gọi là phương tiện chỉ dẫn hiệu lực ở lời (*illocutionary force indicating devices* - IFIDs). Nhờ các dấu hiệu này mà người nghe có thể nhận ra hành động ở lời nào đang được người nói thực hiện để hồi đáp lại bằng

một hành động thích hợp.

Phát ngôn ngữ vi, theo Đỗ Hữu Châu (1993), là những phát ngôn mang những hiệu lực tại lời nhất định. Những phát ngôn ngữ vi mang một hiệu lực tại lời nào đấy thường có cấu trúc hình thức (kể cả ngữ điệu) đặc trưng.

Một phát ngôn có đầy đủ F và (p) hoặc có chứa các dấu hiệu đặc trưng cho một hành động tại lời được gọi là một biểu thức ngữ vi. Biểu thức ngữ vi là một thể thức nói năng cốt lõi do các phương tiện chỉ dẫn hiệu lực ở lời kết hợp với (hoặc không có) nội dung mệnh đề đặc trưng cho một hành động ở lời nào đó. Biểu thức ngữ vi (hay còn gọi là biểu thức ở lời, biểu thức ngôn trung, biểu thức ngôn hành) vừa là sản phẩm vừa là phương tiện của một hành động ở lời. Có hai loại biểu thức ngữ vi: biểu thức ngữ vi nguyên cấp (Primary performative utterance) là những biểu thức ngữ vi không có động từ ngữ vi; biểu thức ngữ vi tường minh (Explicit performative utterance): là những biểu thức có động từ ngữ vi được dùng theo hiệu lực ngữ vi.

2.3. Hành động ngôn ngữ *chê trực tiếp* và hành động ngôn ngữ *chê gián tiếp*

Một HĐNN có cùng một hiệu lực tại lời có thể được phát ngôn dưới các hình thức khác nhau. Căn cứ vào mức độ chân thực thể hiện hành động tại lời và mức suy ý của người nhận phát ngôn trong những ngữ cảnh cụ thể, có thể chia các HĐNN thành hai loại: HĐNN trực tiếp và HĐNN gián tiếp.

- *HĐNN ngôn ngữ trực tiếp (direct speech acts)*: HĐNN được sử dụng đúng với điều kiện sử dụng, đúng với đích tại lời của chúng (được sử dụng một cách chân thực) như: hành động hỏi dùng với đúng chức năng hỏi, hành động khen dùng đúng với chức năng khen, hành động phê phán dùng đúng với chức năng phê phán... (Austin, 1962).

- *HĐNN gián tiếp (indirect speech acts)*: HĐNN không được sử dụng đúng với mục đích và điều kiện chân thực, nghĩa là sử dụng nhằm đạt đích của một HĐNN khác. Hiện tượng người giao tiếp sử dụng trên bề mặt HĐNN này nhưng lại nhằm hiệu quả của một HĐNN khác là hiện tượng sử dụng HĐNN theo lối gián tiếp.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm về cấu trúc của hành động ngôn ngữ *chê*

Xét về mặt cấu trúc, hành động *chê* có thể chia thành: HĐC trực tiếp và HĐC gián tiếp. Mỗi loại có những biểu thức nhất định nhằm đạt được mục đích của người phát ngôn.

3.1.1. Hành động ngôn ngữ *chê trực tiếp*

(i) *Biểu thức ngữ vi *chê tường minh**:

Cấu trúc khái quát: SV + ĐTNVC + SV1 + NDC

SV là người phát ngôn, người thực hiện HĐC

SV1 là người tiếp nhận HĐC, đối tượng/ vật bị *chê*

ĐTNVC (động từ ngữ vi *chê*) là những động từ thể hiện hành động *chê*, chẳng hạn: *chê*, phê phán, phê bình, lên án, khiển trách, nhắc nhở.

NDC (nội dung *chê*) là mệnh đề thể hiện ý *chê*, đứng ngay sau ĐTNVC. NDC có thể tồn tại dưới dạng cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.

Tuy nhiên, theo như số liệu chúng tôi khảo sát được ở hai tập đầu *Chuyện xứ Langbiang* không có ĐTNVC tường minh.

(ii) *Biểu thức ngữ vi *chê nguyên cấp**: không có ĐTNVC nhưng lại có hiệu lực *chê*. Cấu trúc khái quát: SV1 + NDC

Dưới đây là một số biểu thức ngữ vi *chê nguyên cấp* cụ thể trong *Chuyện xứ Langbiang* dành cho thiếu nhi.

[SV: từ ngữ chỉ sự vật; TC: từ ngữ chỉ tính chất; ĐT: từ ngữ chỉ động tác; TT: từ ngữ chỉ tình thái]

(1) TC âm tính/ TT + TC âm tính/ TC âm tính + TT. Ví dụ:

Bê rạc thiệt tình! [T.1, tr.417]

Đây một phát cảm thán ngắn gọn (ẩn chủ ngữ) nhằm thể hiện được mục đích *chê* của người phát ngôn. Đối với các em thiếu nhi, HĐC càng ngắn gọn thì càng dễ hiểu.

(2) SV1 + (TT) + TC âm tính + (TT). Ví dụ:

Lão thiệt lắm lắm quá sức. [T.2, tr.298]

Trong phát ngôn này, tính từ âm tính “*lắm lắm*” đi cùng các thán từ “*thiệt, quá*” nhằm đưa ra đánh giá tiêu cực đối với người nghe. Chủ ngữ “*lão*” là từ rất bình dị, thân thuộc với mọi người, đặc biệt là các em thiếu nhi.

(3) SV1 + ĐT + TC âm tính + (TT). Ví dụ:

Con lại nói bá láp rồi, K’Brét à. [T.2, tr.240]

Đây là một phát ngôn có cấu trúc đầy đủ các thành phần: tính từ âm tính “*bá láp*” (tiếng địa phương, có nghĩa sai, lằng nhằng) được dùng để thể hiện HĐNN chê. Tuy nhiên, các dùng từ “*con*” đã xóa hết mọi khoảng cách giữa người phát ngôn và người tiếp nhận, cụ thể ở đây là thầy hiệu trưởng yêu quý N’Trang Long và nhân vật chính K’Brét. Cách xưng hô này phù hợp với các em thiếu nhi.

(4) SV1 + ĐT âm tính + TT. Ví dụ:

Mày nịnh bợ hơi quá đấy, K’Brét. - Amara nhăn nhó [T.2, tr.332]

Việc sử dụng động từ “*nịnh bợ*” giúp các em thiếu nhi nhận ra được những hành động sai trái mà các em đang làm để tránh lặp lại.

(5) SV1 + có + SV2 + TC âm tính. Ví dụ:

Mày có trí nhớ ngắn quá đó, nhóc. [T.2, tr.455]

“*Trí nhớ ngắn*” là cụm từ mà người phát ngôn đưa ra nhằm chê người tiếp nhận.

(6) SV1 + (TT) + là + TC âm tính. Ví dụ:

Chị thiệt là điên, chị Êmê à. [T.2, tr.140]

Trong ví dụ này, tính từ “*điên*” xuất hiện nhưng không có nghĩa “*điên khùng*” mà để biểu thị hành động không tán thành của người phát ngôn.

(7) SV1 + cứ việc + TC âm tính + ĐT. Ví dụ:

Tụi bay cứ việc ngu ngốc làm theo ý thích. [T.1, tr.287]

Cụm từ “*cứ việc ngu ngốc*” dùng để chê xuất hiện nhằm chỉ ra việc làm sau cụm từ này là không nên.

(8) TT + SV2 âm tính. Ví dụ:

Rõ là đồ tham ăn! [T.2, tr.609]

Cụm từ “*tham ăn*” dùng để chê.

(9) SV1 + là + SV2 âm tính. Ví dụ:

Mày có thấy mày là đứa đại ngốc chưa. (T.1, tr.79)

Cụm từ “*đại ngốc*” dùng để chê.

(10) SV1 + không/ chưa + TC dương tính. Ví dụ:

Hình như miếng thịt này chưa chín, ngài hiệu trưởng à. [T.2, tr.437]

(11) SV1 + bị + SV2 + ĐT âm tính + TT. Ví dụ:

Cậu bị tờ Tin nhanh N, S & D bỏ bùa mê rồi, cậu K’Tul. [T.2, tr.325]

Ví dụ này có cấu trúc bị động, người bị chê (SV1) là “*cậu K’Tul*”, SV2 là “*tờ Tin nhanh N, S & D*”, ĐT mang nghĩa tiêu cực là “*bỏ bùa*” và kết thúc bằng một thán từ “*rồi*”. Qua ví dụ này, các em hiểu và vận dụng được cách nói bị động để đưa ra HĐC.

(12) SV1 + không + ĐT dương tính + được. Ví dụ:

Người cũng biết là người không thể chống lại được ta mà, Yan Dran! [T.2, tr.249]

(13) SV1 + đâu có + ĐT + như vậy được. ví dụ:

Người đâu có đào tẩu dễ dàng như vậy được. [T.2, tr.589]

(14) SV1 + ĐT + càng lúc càng chẳng ra làm sao. Ví dụ:

Ông ăn nói càng lúc càng chẳng ra làm sao. [T.2, tr.99]

(15) SV + chưa thấy ai + TC âm tính + như + SV1. Ví dụ:

Ta thiệt chưa thấy ai ngu như trò. [T.2, tr.137]

3.1.2. Hành động ngôn ngữ chê gián tiếp

- Dùng HĐNN mỉa: người phát ngôn sử dụng những từ ngữ đánh giá mang nghĩa dương tính nhưng không phù hợp với bản chất của đối tượng bị chê, người nói thường sử dụng các từ ngữ: *tường, cứ tường, lắm, ai dè, thật đấy,...* cùng với phát ngôn là các *cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt...* nhằm thể hiện mục đích mỉa mai.

Tường/cứ tường + TC dương tính + ai dè/lắm/đấy/à... Ví dụ:

Chỗ này hay ho thật đấy, K'Tub. - Mỗi một lúc, nó mới ngồi thẳng lưng dậy được và nhìn K'Tub qua khóe mắt, giọng khinh khỉnh [T.2, tr.162]

- Dùng HĐNN hỏi: là những phát ngôn dưới dạng câu hỏi nhưng hiệu lực ở lời nhằm bày tỏ thái độ không tán đồng, đưa ra đánh giá tiêu cực giúp người nghe, đặc biệt là các em thiếu nhi nhận thức được những gì họ đang làm là chưa phù hợp để thay đổi. Đây thường là các câu hỏi tu từ, không yêu cầu người tiếp nhận trả lời. Ví dụ:

Trong nhà tắm có gì hay ho mà mày chết dí trong đó thế? [T.1, tr.271]

- Dùng biểu thức HĐNN khuyên bảo:

thường có cấu trúc: SV + nên/không nên/đừng... + ĐT. Ví dụ:

Ta đã nói với con rồi. Con không nên đánh giá con người qua bề ngoài. (T.2, tr.26)

- Dùng biểu thức HĐNN giả định, ước mong, như:

Cấu trúc: *nếu ... thì .../ giả như/ giả mà/ ước gì.* Ví dụ:

Nếu ăn nói theo kiểu hồ đồ của con thì chính ta cũng không xứng đáng nốt con à. [T.2, tr.570]

- Dùng biểu thức HĐNN đề nghị:

Cấu trúc: *SV1 + phải + ĐT dương tính + hơn hoặc (SV1) + đừng + ĐT âm tính.* Ví dụ:

Ví dụ: Anh đừng có nghe thẳng K'Tub. [T.1, tr.258]

3.2. Đặc điểm ngữ dụng của hành động ngôn ngữ chê

3.2.1. Đặc điểm ngữ dụng của HĐNN chê trực tiếp

Các phát ngôn chê trực tiếp được phân loại như sau:

- Đánh giá tiêu cực: người phát ngôn thường sử dụng các tính từ âm tính, hoặc “không”, “chẳng” trước tính từ dương tính. Ví dụ:

Tụi bay ngốc quá! [T.2, tr.516]

Ở ví dụ trên, thám tử Eakar đã dùng cách đánh giá tiêu cực, dùng tính từ “ngốc” để nói về những hiểu biết của nhóm bạn trẻ. Đây là hành động chê được người phát ngôn đưa ra dễ nhất trong nhiều hoàn cảnh..

- Biểu thị sự bất đồng: thể hiện thái độ không đồng tình với người nghe. Ví dụ:

Em nói năng lung tung gì thế, K'Tub! [T.1, tr.319]

Trong ví dụ này, Êmê đã phản đối cách nói của K'Tub vì cậu bé này nói xấu ông của Suku. Lời chê của Êmê cũng nhắc nhở K'Tub trong việc nói năng, nhận định về người lớn tuổi hơn, như thầy, cô, ông bà...

- Chỉ ra vấn đề còn tồn tại: chỉ ra các sai sót, lỗi lầm cần khắc phục. Ví dụ:

Mà việc con so sánh thầy Haifai với trùm Hắc Ám là sai lầm lớn nhất trong những sai lầm mà con có thể mắc phải. [T.1, tr.394]

Hiệu trưởng N'Trang Long đáng kính đã chê Kăply vì em mắc sai lầm khi luôn nghĩ thầy Haifai là người xấu trong ví dụ trên. Thầy Haifai có thể rất xấu về hình dáng và cũng không nuông chiều nhóm của Kăply nhưng thầy đã vào sinh ra tử với thầy hiệu trưởng nên thầy N'Trang Long biết rõ con người thầy Haifai. Hành động chê của thầy N'Trang Long sẽ giúp cho Kăply nhận ra sai lầm của em và sẽ có cái nhìn nhận tốt hơn về thầy Haifai nói riêng và các vấn đề trong cuộc sống nói chung..

- Cảnh báo hậu quả: cảnh báo kết quả không tốt có thể xảy ra với đối tượng tiếp nhận nếu như không làm việc gì đó. Ví dụ:

Có cả đồng tai họa sắp rớt trúng đầu anh K'Brăk mà bà chị ở đó so đo từng đồng. [T.2, tr.108]

Tình huống này xảy ra khi Nguyên - nhân vật chính trong Chuyện xứ Langbiang đang trong thời gian chờ tới ngày đối đầu với Baltalon - sứ giả thứ ba của trùm Bastu. Vì lo ngại Nguyên không đủ sức chống lại tên sứ giả nhóm bạn đã phải tìm người trợ giúp. Trong lúc Păng Ting đang tính toán về tiền thuê người bảo vệ Nguyên thì K'Tub đã chê Păng Ting và cảnh báo Nguyên sẽ chịu hậu quả khôn lường nếu cô bé không chịu bỏ tiền ra thuê người.

3.2.2. Đặc điểm ngữ dụng của HĐNN chê gián tiếp

- *Hỏi/ phỏng đoán*: giúp người nghe nhận thức được những gì họ đang làm là chưa phù hợp. Ví dụ:

Chú Mustafa, chú bay cao cao lên chú nữa không được sao? [T.4, tr.459]

Trong khi chú Mustafa dùng thăm bay chờ cả nhóm của Nguyên đi tới làng Ea Tiêu để tìm manh mối cuối cùng cho câu thần chú kim cương thứ 7, thấy chú bay chậm nên Suku đã hỏi chú câu hỏi trên. Mặc dù là câu hỏi nhưng ý của Suku là chê chú bay chậm quá. Cả nhóm đang vội nên việc chú bay chậm như vậy sẽ ảnh hưởng tới công việc chung và chúng ta có thể hoàn toàn hiểu được ý của người phát ngôn.

- *Đề nghị để thay đổi*: giúp người nhận biết được những gì họ làm chưa đạt để thay đổi cho phù hợp. Ví dụ:

Mày đừng có vờ vịt. [T1, tr.77]

Tình huống này xảy ra khi hai nhân vật chính vừa tỉnh dậy sau khi bị ngất và đang dưới hình dạng người khác, Kăply không nhận ra Nguyên nên Nguyên đưa ra đề nghị để nhắc nhở bạn không tỏ thái độ như vậy.

- *Mĩa mai*: có mục đích chê và có kèm theo các điệu bộ, cử chỉ như: nhếch môi, lườm nguýt, cười khẩy, nhún giọng... Ví dụ:

Mồm miệng em lúc này trơn lấm rồi đó, K'Tub. [T.1, tr.167]

Tình huống này xảy ra khi Êmê chê K'Tub vì trước đây cậu bé này đã khoe khoang kể lại chuyện cậu ta nói với chủ cửa hiệu Thất tình. Êmê dùng từ “trơn lấm” để chê nhưng đi cùng đó là thái độ và đặc biệt là cái nguýt dài của cô bé.

- *Giả định/ ước mong*: là những phát ngôn thể hiện mong muốn người tiếp nhận thay đổi để tốt hơn. Ví dụ:

Nếu không đi lon ton trên đó, bọn mình đâu có giáp mặt hai thằng nhãi kia. [T.1, tr.146]

Tình huống này xảy ra khi hai nhân vật chính biết họ đã bị lạc vào thế giới phù thủy và sắp phải chịu nhiều tai ương. Phát ngôn trên do Kăply đưa ra để chê Nguyên và mong muốn là đã không từng gặp anh em K'Brăk và K'Brêt để không phải rơi vào tình cảnh như hiện nay.

- *Khuyên/ động viên*: là những phát ngôn chê nhưng mục đích là đưa ra những lời khuyên cho mọi người. Ví dụ:

Con không nên đánh giá con người qua bề ngoài. [T.2, tr.26]

Trong tình huống Kăply đang đưa ra những nhận định sai về thầy Haifai, giáo sư N'Trang Long đã phải chê cậu bé, bằng kinh nghiệm của người đứng đầu nhà trường, thầy không chê thẳng mặt cậu bé mà thầy chê bằng việc đưa ra hành động khuyên. Một lời khuyên tốt, đúng lúc, đúng thời điểm là vô cùng quan trọng cho các em, đặc biệt là thiếu nhi vì lời khuyên như vậy có thể giúp các em làm được rất nhiều việc và cũng tránh được nhiều phiền toái, thậm chí là nguy hiểm đến tính mạng.

- *Khen để chê*: phát ngôn chê nhưng lực ngôn trung lại là khen. Ví dụ:

Tụi bay thấy chưa. Thế mới gọi là Thần chú chiến đấu. [T2, tr.96]

Trong tình huống trên, thầy Haifai đã khen Kăply thực hiện câu thần chú tốt, nhưng lại có ý chê các bạn còn lại trong lớp vì chưa ai thực hiện được bằng việc dùng cụm từ “*Tụi bay thấy chưa*”. HĐNN chê này ít được sử dụng vì có thể gây hiểu nhầm ở người nghe, đặc biệt là các em thiếu nhi vì năng lực ngôn ngữ của các em có hạn.

4. Kết luận

Khảo sát hai tập đầu *Chuyện xứ Langbiang* của Nguyễn Nhật Ánh, có thể thấy HĐC được thực hiện với nhiều cấu trúc khác nhau để phù hợp với nhiều tình huống mà nhân vật tồn tại, HĐC cũng được tác giả thể hiện qua những phương tiện ngôn ngữ khác nhau nhằm thể hiện những tình thái, mục đích tại lời: mỉa mai, phỏng đoán, đề xuất, gợi ý, khuyên nhủ,...

Tác giả Nguyễn Nhật Ánh đã rất thành công trong việc sử dụng ngôn ngữ uyển chuyển để biến một thể giới pháp thuật huyền ảo và thần kì - một thể giới chỉ có trong tưởng tượng, thành những tình huống, cảnh vật, con người rất đời thường. Cái hương vị đặc biệt của truyện có được là nhờ giọng điệu đặc biệt trong loại tác phẩm viết cho thiếu nhi, trong đó có những đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa thể hiện qua HĐC. Những HĐC trong truyện không những giúp người đọc hiểu hơn về văn hóa mà còn có tính giáo dục cho thiếu nhi để trở thành những công dân tốt trong cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học.
2. Đỗ Hữu Châu (chủ biên), Bùi Minh Toán (1993), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập hai, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, Tp Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

4. Austin, J.L. (1962), *How to do things with words*. CUP. London - Oxford-Newyork.
5. Bach, K. and Harnish, R. (1984), *Linguistic communication and speech acts*. The MIT press.
6. Brown, P., & Levinson, S. (1978), *Universals in language usage: Politeness phenomena. Questions and Politeness*, 56-311. Cambridge University Press.
7. Brown, P. , & Levinson, S. (1987), *Politeness: Some universals in language usage*. Cambridge: Cambridge University Press.
8. Cohen, Andrew, and Rachel Shively (2007), *Acquisition of requests and apologies in Spanish and French: Impact of study abroad and strategy building intervention*. The Modern Language Journal (91), pp.189-212.
9. Wierzbicka, A (1987), *English Speech Act Verbs. A Semantic Dictionary*. Marrickville: Academic Press Australia.

NGŨ LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Nhật Ánh:

(2005), *Chuyện Xứ Langbiang: Pho Tượng của Baltalon*, Nxb Kim Đồng.

(2005), *Chuyện Xứ Langbiang: Biến cố ở Trường Dămri*, Nxb Kim Đồng

Speech act of criticisms in *Stories in Langbiang*

Abstract: As well as speech act of compliments, speech act of criticisms appear in every culture, in every language and in writing style of every literature.

This article, based on speech act theory and the statistics of criticisms from the first two chapters in *Stories in Langbiang*, illustrates the structural and semantic features of the speech act of criticisms.

Key words: *Stories in Langbiang*; speech act of criticisms; structures; pragmatics; children.